

Số: **156** /BC-UBND

Bình Phước, ngày **16** tháng **6** năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi bổ sung Nghị quyết 48/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Luật Sửa đổi, bổ sung số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND), Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND), Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND) như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 48/2017/NQ-HĐND, NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2019/NQ-HĐND VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2021/NQ-HĐND

1. Kết quả

Các nội dung, hạng mục công trình được hỗ trợ vốn ngân sách theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND gồm: Xây dựng cơ sở hạ tầng với mức hỗ trợ từ 60%-100%; phát triển sản xuất và dịch vụ với mức hỗ trợ từ 20%-70%, môi trường với mức hỗ trợ từ 30%-100%; kết quả thực hiện từ năm 2018 đến hết năm 2021 như sau:

a) Về xây dựng cơ sở hạ tầng

- Thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, vốn ngân sách đã hỗ trợ đầu tư trực tiếp cho các địa phương thực hiện nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội từ năm 2018 đến hết năm 2021 với tổng kinh phí 1.195.273 triệu đồng, cụ thể:

+ Năm 2018: hỗ trợ 195.900 triệu đồng, trong đó:

Vốn Đầu tư phát triển (Ngân sách Trung ương): 54.400 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh).

Vốn Sự nghiệp (Ngân sách Trung ương): 21.500 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh).

Vốn Đầu tư phát triển (Ngân sách tỉnh): 120.000 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh).

+ Năm 2019: hỗ trợ 251.800 triệu đồng, trong đó:

Vốn Đầu tư phát triển (Ngân sách Trung ương): 92.400 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh).

Vốn Sự nghiệp (Ngân sách Trung ương): 29.400 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh).

Vốn Đầu tư phát triển (Ngân sách tỉnh): 130.000 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh).

+ Năm 2020: hỗ trợ 245.930 triệu đồng, trong đó:

Vốn Đầu tư phát triển (Ngân sách Trung ương): 180.230 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh).

Vốn Sự nghiệp (Ngân sách Trung ương): 38.700 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh).

Vốn Đầu tư phát triển (Ngân sách tỉnh): 270.000 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh).

+ Năm 2021: hỗ trợ 501.743 triệu đồng, trong đó:

Vốn Sự nghiệp (Ngân sách Trung ương): 15.743 triệu đồng (được giao tại Công văn số 3302/UBND-TH ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh).

Vốn Đầu tư phát triển (Ngân sách tỉnh): 486.000 triệu đồng (được giao tại Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 9/7/2021 của UBND tỉnh).

- Từ năm 2018 đến năm 2021, UBND tỉnh đã hỗ trợ bằng tiền và xi măng trả chậm cho UBND các xã thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù của tỉnh với số tiền như sau: năm 2018 hỗ trợ 75.000 triệu đồng; năm 2019 hỗ trợ 75.000 triệu đồng; năm 2020 hỗ trợ 121.000 triệu đồng; năm 2021 là 270.000 triệu đồng.

- Kết quả: Góp phần nâng cao số xã đạt các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Kết quả đạt các tiêu chí nhóm hạ tầng kinh tế - xã hội đến hết năm 2021 so với năm 2017 như sau:

- + Tiêu chí số 2 - Giao thông: 72/90 xã đạt (80%), tăng 45 xã.
- + Tiêu chí số 3 - Thủy lợi: 90/90 xã đạt (100%), tăng 8 xã.
- + Tiêu chí số 4 - Điện: 85/90 xã đạt (94,4%), tăng 29 xã.
- + Tiêu chí số 5 - Trường học: 70/90 xã đạt (77,8%), tăng 43 xã.
- + Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: 76/90 xã đạt (84,5%), tăng 40 xã.
- + Tiêu chí số 7 - Chợ nông thôn: 87/90 xã đạt (96,5%), tăng 25 xã.
- + Tiêu chí số 8 - Bưu điện: 90/90 xã đạt (100%), tăng 0 xã.
- + Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư: 79/90 xã đạt (87,7%), tăng 27 xã.

b) Về phát triển sản xuất

- Từ năm 2018 đến năm 2021, với 105.343 triệu đồng vốn Sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ, UBND tỉnh đã trực tiếp hỗ trợ cho người nông dân mua nông cụ sản xuất; hỗ trợ xây dựng công, hàng rào nhà văn hóa và các mô hình: Camera an ninh, Ánh sáng đường quê; Thu gom, phân loại rác thải... và rất nhiều mô hình phát triển sản xuất khác.

- Công tác phát triển sản xuất từ nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình và các nguồn vốn lồng ghép đã được các xã đã triển khai thực hiện có hiệu quả và nhân rộng nhiều mô hình phát triển sản xuất như: Mô hình chăn nuôi dê sinh sản; mô hình nuôi heo trên đệm lót sinh học; mô hình gà thả vườn... Nhờ đó, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm. Các mô hình phát triển sản xuất bước đầu đã mang lại nhiều hiệu quả tích cực, nâng cao thu nhập cho người dân, giúp giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các xã.

- Đến hết năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 495 trang trại, 86 tổ hợp tác, 179 hợp tác xã nông nghiệp và 320 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 260 chuỗi liên kết tập trung tại các trang trại chăn nuôi gia công, do các Công ty giữ vai trò điều phối, điều khiển các hoạt động của các thành viên trong chuỗi, nông dân là mắt xích của liên kết chuỗi. Hồ tiêu có khoảng 60 đơn vị Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Câu lạc bộ (sau đây viết tắt là HTX, THT, CLB) tham gia chuỗi liên kết với Công ty Nesdpice, 10 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu điều tham gia liên kết với khoảng 24 đơn vị (HTX, THT, trang trại) diện tích liên kết 3.200 ha đạt chứng nhận hữu cơ Mỹ/EU. Trái cây có khoảng 20 doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi với khoảng 30 đơn vị (HTX, THT, trang trại).

- Bên cạnh những kết quả đạt được, việc hỗ trợ phát triển sản xuất cho nhân dân còn gặp một số khó khăn sau:

+ Nguồn kinh phí phân bổ vốn hỗ trợ các mô hình phát triển sản xuất không được cấp ngay đầu năm để kịp thời vụ sản xuất. Vốn được cấp thường vào 6 tháng cuối năm là thời điểm thời tiết bất lợi, phát sinh dịch bệnh gây hại trong sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng mùa vụ sản xuất của các hộ tham gia mô hình, đặc biệt là dịch Cúm gia cầm; Viêm da nổi cục trên trâu, bò; Lở mồm long móng; Dịch tả lợn Châu phi và các dịch bệnh khác.... đã ảnh hưởng trực tiếp tới

người nông dân và làm thiệt hại¹ rất lớn về kinh tế của doanh nghiệp và người nông dân trong sản xuất nông nghiệp.

+ Giá cả vật tư đầu vào tăng cao, thị trường tiêu thụ không ổn định đã ảnh hưởng lớn đến sức sản xuất, thu nhập của người dân, nhất là vùng có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao; vùng sâu, vùng xa, thiếu thông tin, khó tiếp cận thị trường.

+ Nhiều nơi sản xuất tự phát, nhỏ lẻ, thiếu quy hoạch làm cho sản xuất không ổn định và thiếu tính bền vững.

2. Đánh giá chung

a) Kết quả

Qua 04 năm thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND, bộ mặt nông thôn nhiều địa phương được đổi mới, ngày càng hoàn thiện, văn minh hơn; cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân; nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới đã có chuyển biến rõ rệt; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao... Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp trong cả tỉnh. Đến hết năm 2021, toàn tỉnh có 70/90 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là: thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long. Riêng huyện Chơn Thành và huyện Đồng Phú đã trình Trung ương công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Một số hạn chế

- Một số hạn chế:

+ Phong trào xây dựng nông thôn mới không đồng đều giữa các xã, nhất là ở các địa phương vùng đặc biệt khó khăn, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, sự tham gia đóng góp của nhân dân còn hạn chế, tốc độ xây dựng nông thôn mới còn chậm. Đa phần các xã về đích sau năm 2021 là những xã nghèo, địa bàn rộng, dân thưa, đời sống người dân còn nhiều khó khăn nên rất cần có chính sách khuyến khích, giúp đỡ, ưu tiên hỗ trợ cho các xã nghèo; xã đặc biệt khó khăn; xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số để các xã này đạt đủ tiêu chí về đích nông thôn mới.

+ Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND khó áp dụng đối với các địa phương vùng sâu, vùng xa có tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần nguồn lực rất lớn trong khi đời sống nhân dân còn

(¹) Năm 2021: Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 25 xã, phường thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Bù Đăng, Hớn Quản, Phước Long, Bù Gia Mập, Phú Riềng, Đồng Phú, Đồng Xoài, Bù Đốp). Tổng số lợn tiêu hủy là 2.587 con/150.631kg. Bệnh Viêm da nổi cục trên đàn bò tại 43 xã thuộc 10 huyện, thị xã, thành phố (Bù Đốp, Hớn Quản, Lộc Ninh, Chơn Thành, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Phú Riềng, Phước Long, Đồng Phú, Bình Long) với tổng số bò bị bệnh là 664 con; số bò chết và tiêu hủy 95 con bò/11.538 kg. Bệnh Lở mồm long móng gia súc: xuất hiện 01 ổ dịch tại xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng với 13 con bò bị bệnh. Bệnh Cúm gia cầm tiêu hủy 5.000 con gà/10.000kg.

hiều khó khăn; giá cả nông sản chủ lực của tỉnh giảm; hạn hán, thiên tai diễn ra thường xuyên, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

+ Các địa phương chủ yếu tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng, trong khi đó, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, công tác bảo vệ, cải thiện môi trường chưa thật sự chuyển biến mạnh, chưa được quan tâm đúng mức.

+ Công tác đào tạo, tập huấn chỉ tập trung cho các xã điểm, xã phấn đấu về đích. Còn các xã khác việc tập huấn chưa được thường xuyên, liên tục, ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của cán bộ và nhân dân.

- Nguyên nhân chủ yếu:

+ Ngân sách tỉnh hạn hẹp, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách cho Chương trình xây dựng nông thôn mới còn thấp, trong khi khả năng đóng góp của nhân dân hạn chế, nhất là các xã có điểm xuất phát thấp, đặc biệt là các xã vùng biên giới, các xã đặc biệt khó khăn, xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là trong thời gian ảnh hưởng của dịch Covid-19.

+ Nhu cầu đầu tư theo Đề án của UBND các xã rất lớn, UBND một số xã khi triển khai xây dựng Đề án còn chưa bám sát thực tế, chưa nhận thức rõ về Chương trình nên đề xuất Đề án chưa sát thực tế và điều kiện địa phương.

Tóm lại, kết quả triển khai 04 năm thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND là rất lớn. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, khó khăn khi triển khai. Vì vậy, việc thay thế Nghị 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 5/7/2022 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 là rất cần thiết, nhằm hỗ trợ tối đa nguồn lực cho các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số để xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí về Cơ sở hạ tầng và Phát triển sản xuất để các xã sớm đạt 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

UBND tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT;
- Sở NN&PTNT, Sở TP;
- Sở KH&ĐT, Sở TC;
- LĐV.P, P. KT;
- Lưu: VT (NN-113/6).



Trần Tuệ Hiền

